

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-ST

Ngày: 20-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Nguyễn Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2020/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Phương T, tên gọi khác: H, sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: Số 2/27 (số cũ 10/3A) đường C, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Số 35/25 đường TL19, khu phố 3C, phường T, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); bản thân có chồng Nguyễn Văn C (đã ly hôn), có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Ngày 21/11/2018, bị TAND thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bản án đã có hiệu lực pháp luật, hiện bị cáo đang được hoãn thi hành án phạt tù do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/02/2012, bị TAND tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 09/9/2013, bị TAND thị xã Dĩ An tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 27/6/2014 chấp hành xong hình phạt. Ngày 16/6/2020, bị Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 264/2018/HS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, được trừ đi

thời gian tạm giữ từ ngày 05/5/2018 đến ngày 14/5/2018, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 11 tháng, 21 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (bị cáo chưa chấp hành). Ngày 03/7/2020, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 sáu tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (bị cáo chưa chấp hành). Ngày 10/3/2020, bị cơ quan CSĐT Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án và khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Bị cáo tại ngoại được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Phan Thị Ánh H, sinh năm 1972

ĐKTT: Số 110 đường H, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ T, sinh năm 1971

ĐKTT: Số 110 đường H, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2020) (có mặt).

2. Phạm Thành N, sinh năm 1972

ĐKTT: Số 129 đường P, khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trần Thị V, sinh năm 1960

ĐKTT: Số 153 Q, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

2. Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số 20 N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1980

ĐKTT: Ấp 1, xã B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Kiều Minh Đ, sinh năm 1982

ĐKTT: Ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

2. Nguyễn Anh D, sinh năm 1996

ĐKTT: Ấp 1, xã B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

3. Trương Thanh T, sinh năm 1996

ĐKTT: Số 124/14 N, khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

4. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986

ĐKTT: Số 153 Q, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

5. Đỗ Thanh S, sinh năm 1986

ĐKTT: Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 23/12/2019, Nguyễn Thị Phương T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 53R8-2115 đến cửa hàng tạp hóa H tại khu phố 4, thị trấn B, huyện B. Tại đây, T gặp chị Phan Thị Ánh H là chủ tiệm tạp hoá H. T xưng mình là nhân viên đại lý bia T tuyển Đ đang chạy doanh số còn 100 thùng bia nữa là đủ lấy tiền thưởng cuối năm nên bán giá 317.000đ/thùng, rẻ hơn 10.000đ/thùng so với giá thị trường nên chị H đồng ý mua và hẹn 16 giờ cùng ngày giao nhận hàng. Sau đó, T sử dụng điện thoại số 0585365080 gọi đến đại lý bia T, địa chỉ: khu phố 3, thị trấn B, huyện B gặp chị Nguyễn Thị Phương T là cửa hàng trưởng. T xưng là chủ cửa hàng tạp hoá DT, cần mua một số lượng lớn bia, nước giải khát gồm: 40 kết bia hiệu Tiger nhỏ, 15 kết bia hiệu Heniken, 10 kết bia hiệu Heniken bạc, 100 thùng bia hiệu Tiger, 05 thùng bia hiệu Heniken lon bạc, 20 thùng nước ngọt hiệu Coca Cola, 10 thùng nước ngọt hiệu Pepsi lon, 20 thùng nước ngọt hiệu 7 Up lon, 20 thùng nước ngọt hiệu Olong chai nhựa và T yêu cầu 16 giờ giao hàng. Đến 16 giờ cùng ngày, chị Thuỳ phân công Kiều Minh Đ, Trương Thanh T, Nguyễn Anh D là nhân viên của đại lý T đi giao hàng. Khi gần đến tiệm tạp hoá H thì Đ gọi vào số 0585365080 thì T đứng đợi sẵn và kêu Đ, T, D giao hàng vào tiệm H gồm: 100 thùng bia hiệu Tiger, 20 thùng nước ngọt hiệu Coca Cola, 10 thùng nước ngọt hiệu Pepsi và 10 thùng nước ngọt hiệu 7Up. Sau khi xuống hàng cho đại lý H xong, T kêu Đ, T, D chở số hàng còn lại đến gần chợ Bến Lức để giao, giao xong thì thanh toán tiền. Ngay sau khi Đ, T, D chở hàng đi thì T trực tiếp vào tính tiền với chị H, lấy được số tiền 37.700.000đ rồi tẩu thoát.

Cùng với thủ đoạn như trên, khoảng 12 giờ ngày 06/01/2020, T sử dụng số điện thoại 0585365080 gọi đến cửa hàng V tại khu phố 1, thị trấn B gặp chị Trần Thị V là chủ cửa hàng bia, nước giải khát V, T xưng là chủ cửa hàng bán bia, nước giải khát tại khu công nghiệp T, cần mua bia, nước giải khát số lượng lớn gồm: 40 kết bia hiệu Sài gòn đỏ, 15 kết bia hiệu Tiger, 05 kết bia hiệu Tiger bạc, 60 thùng bia hiệu Tiger, 30 thùng bia hiệu 333 và yêu cầu giao hàng lúc 16 giờ cùng ngày tại đường số 5, khu dân cư T, khu phố 8, thị trấn B, huyện B. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 53R8-2115 đến cửa hàng B do ông Phạm Thành N làm chủ, T xưng là nhân viên tiếp thị bia đang có nhu cầu bán số lượng lớn bia Tiger để dịp doanh số cuối năm nên bán giá thấp hơn thị trường: bia Tiger lon bán giá 315.000đ/thùng, bia Tiger kết bán giá 270.000đ/kết, ông Nhân đồng ý mua. Đến 17 giờ 20 phút cùng ngày, bà Vân phân công Đỗ Thanh S và Nguyễn Hữu T chở hàng đi giao theo địa chỉ T yêu cầu. S gọi vào số điện thoại 0585365080, T yêu cầu S chạy xe đến cửa hàng B để giao 60 thùng bia hiệu Tiger, 15 kết bia hiệu Tiger, giao hàng xong, T yêu cầu S và TH chạy đến đường số 5, khu dân cư T, khu phố 8, thị trấn Bến Lức để

giao tiếp số hàng còn lại và thanh toán tiền. Sau khi, S và TH chở hàng đi thì T ở lại cửa hàng B trực tiếp nhận số tiền 22.950.000đ rồi tẩu thoát. S và TH chở hàng đến địa chỉ trên và gọi điện thoại cho T nhưng không liên lạc được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 119/KL-HĐĐG ngày 31/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: 100 thùng bia hiệu Tiger trị giá 31.700.000đ, 20 thùng nước ngọt hiệu Coca Cola trị giá 3.000.000đ, 10 thùng nước ngọt hiệu Pepsi trị giá 1.500.000đ và 10 thùng nước ngọt hiệu 7Up trị giá 1.500.000đ. Tổng giá trị tài sản là 37.700.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 28/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: 60 thùng bia hiệu Tiger trị giá 18.900.000đ và 15 kết bia hiệu Tiger trị giá 4.050.000đ. Tổng giá trị tài sản là 22.950.000đ.

Tại Cáo trạng số 71/CT-VKSBL ngày 04-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Phương T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm được quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt theo Bản án số 46/2020/HS-ST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 163/2020/HS-ST ngày 03-7-2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị hại chị Phan Thị Ánh H yêu cầu Nguyễn Thị Phương T bồi thường số tiền 37.700.000đ và bị hại ông Phạm Thành N yêu cầu Nguyễn Thị Phương T bồi thường số tiền 22.950.000đ, bị cáo T đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên đề nghị công nhận.

Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 06714 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng:

- 100 thùng bia hiệu Tiger, 20 thùng nước ngọt hiệu Coca Cola, 10 thùng nước ngọt hiệu Pepsi và 10 thùng nước ngọt hiệu 7Up thuộc sở hữu của đại lý Trâm Anh, do chị Nguyễn Thị Phương T đại diện theo pháp luật, hiện CQĐT đã trả lại cho chị Thùy chủ sở hữu là phù hợp.

- 60 thùng bia hiệu Tiger, 15 két bia hiệu Tiger thuộc sở hữu của chị Trần Thị V, hiện CQĐT đã trả lại cho chị Vân chủ sở hữu là phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, Bản kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Thị Phương T là người thành niên có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi. Xuất phát từ việc không tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách giả danh là nhân viên tiếp thị bia đến chào bán bia, nước ngọt cho các cửa hàng bán lẻ bia, nước ngọt với giá thấp hơn so với giá trên thị trường, sau đó T đặt bia và nước ngọt ở đại lý bia khác đem giao cho các cửa hàng bán lẻ và chiếm đoạt tiền của các đại lý bán lẻ trên địa bàn huyện Bến Lức với tổng số tiền là 60.650.000đ, cụ thể vào khoảng 10 giờ ngày 23/12/2019 T nhận 100 thùng bia hiệu Tiger, 20 thùng nước ngọt hiệu Coca Cola, 10 thùng nước ngọt hiệu Pepsi và 10 thùng nước ngọt hiệu 7Up của đại lý bia Trâm Anh 4 do chị Nguyễn Thị Phương T là trưởng cửa hàng để đến lừa bán cho chị Phan Thị Ánh H là chủ tiệm tạp hoá H và chiếm đoạt của chị H được số tiền 37.700.000đ và với thủ đoạn như trên khoảng 17 giờ 20 phút ngày 06/01/2020 T nhận 60 thùng bia Tiger, 15 kết bia Tiger của đại lý bia V do chị Trần Thị V là chủ cửa hàng để đến lừa bán cho ông Phạm Thành N và chiếm đoạt của ông Nhân được số tiền 22.950.000đ, như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Phương T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, do tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng nên là tình tiết định khung trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối để người chủ tài sản tin tưởng và tưởng giả là thật, tưởng kẻ gian là người ngay để giao tài sản cho bị cáo và bị cáo đem bán lấy tiền tiêu xài phục vụ cho lợi ích cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm được quy định

tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện nộp khắc phục một phần hậu quả, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm, 11 (mười một) tháng, 21 (hai mươi một) ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 46/2020/HS-ST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 163/2020/HS-ST ngày 03-7-2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, tại phiên tòa anh Nguyễn Đ T đại diện theo ủy quyền của bị hại chị Phan Thị Ánh H yêu cầu Nguyễn Thị Phương T bồi thường số tiền 37.700.000đ và bị hại ông Phạm Thành N yêu cầu Nguyễn Thị Phương T bồi thường số tiền 22.950.000đ, tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện đồng ý bồi thường. Xét thấy việc thoả thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên công nhận. Do đó, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo T và anh Nguyễn Đ T, ông Phạm Thành N. Bị cáo Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm bồi thường cho chị Phan Thị Ánh H số tiền 37.700.000đ và bồi thường cho ông Phạm Thành N là 22.950.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 06714 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức để đảm bảo thi hành án.

[8] Về vật chứng:

- 100 thùng bia hiệu Tiger, 20 thùng nước ngọt hiệu Coca Cola, 10 thùng nước ngọt hiệu Pepsi và 10 thùng nước ngọt hiệu 7Up thuộc sở hữu của đại lý Trâm Anh, do chị Nguyễn Thị Phương T đại diện theo pháp luật, hiện CQĐT đã trả lại cho chị Thùy chủ sở hữu là phù hợp nên không xét đến.

- 60 thùng bia hiệu Tiger, 15 két bia hiệu Tiger thuộc sở hữu của chị Trần Thị V, hiện CQĐT đã trả lại cho chị Vân chủ sở hữu là phù hợp nên không xét đến.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23,

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Phương T 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015:

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 46/2020/HS-ST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (đã tổng hợp Bản án số 264/2018/HS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương) là 03 (ba) năm 11 (mười một) tháng, 21 (hai mươi một) ngày tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tổng hợp hình phạt với Bản án số 163/2020/HS-ST ngày 03-7-2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 08 (tám) năm 05 (tháng) 21 (hai mươi một) ngày tù, thời gian tù được tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Đ T, ông Phạm Thành N: Bị cáo Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm bồi thường cho chị Phan Thị Ánh H số tiền 37.700.000 đồng (ba mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng) và bồi thường cho ông Phạm Thành N là 22.950.000 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 06714 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức để đảm bảo thi hành án (Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.882.500 (hai triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hùng Cường